



ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán

3

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán

3

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LỜI NÓI ĐẦU

Toán 3 – Sách giáo viên là tài liệu hướng dẫn giáo viên dạy học theo sách giáo khoa Toán 3 của tập thể tác giả: GS.TSKH Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), PGS.TS Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), TS Nguyễn Hoài Anh, TS Trần Thuý Nga và CN Nguyễn Thị Thanh Sơn nhằm thực hiện *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần thứ nhất. Giới thiệu về *Chương trình môn Toán lớp 3* và sách giáo khoa *Toán 3* nhằm giúp giáo viên có hiểu biết khái quát về *Chương trình môn Toán lớp 3*, về đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Toán lớp 3; đồng thời nắm được cách thức xây dựng cấu trúc nội dung sách giáo khoa Toán 3 đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Phần thứ hai. Hướng dẫn dạy học từng bài nhằm giới thiệu quy trình dạy từng bài học trong sách giáo khoa Toán 3, gồm các dạng bài: *Bài kiến thức mới; Bài Thực hành – Luyện tập; Bài Ôn tập và dạng bài “Em vui học Toán”*. Hệ thống bài soạn với những chỉ dẫn cụ thể giúp giáo viên cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tích cực trên lớp (dạy học theo nhóm nhỏ, dạy học theo cặp hoặc cá nhân tự học) kết hợp với các hoạt động thực hành, trải nghiệm. Các tác giả khuyến khích giáo viên có thể sử dụng (trong soạn giáo án cá nhân) toàn bộ hay một phần các kịch bản của các bài soạn này.

Toán 3 – Sách giáo viên được biên soạn trên tinh thần quán triệt yêu cầu cần đạt của *Chương trình môn Toán lớp 3*, có tính đến những nét đặc thù trong dạy học ở các điều kiện khác nhau. Hi vọng cuốn sách sẽ góp phần cùng nhà trường và các thầy cô giáo thực hiện hiệu quả, chất lượng *Chương trình môn Toán lớp 3*, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nói chung, giáo dục Tiểu học nói riêng.

Mặc dù các tác giả đã cố gắng, nhưng trong quá trình biên soạn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong được các đồng nghiệp tiếp tục góp ý để nội dung cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

CÁC TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

GỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3 VÀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3

A. GỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3

1. Mục tiêu dạy học

– Bước đầu hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực toán học ở mức độ phù hợp với học sinh (HS) lớp 3.

– Giúp HS đạt được các yêu cầu cơ bản thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	Số và cấu tạo thập phân của một số	<ul style="list-style-type: none">– Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000, phạm vi 100 000.– Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn.– Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số.– Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
	So sánh các số	<ul style="list-style-type: none">– Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000.– Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).– Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
	Làm tròn số	Làm quen với việc làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1 234 đến hàng chục thì được số 1 230).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). – Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng với phép trừ trong thực hành tính.
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được các bảng nhân, bảng chia 2, 3, ..., 9 trong thực hành tính. – Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). – Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số. – Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư. – Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
	<i>Tình nhân</i>	Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhân trong những trường hợp đơn giản.
	<i>Biểu thức số</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Làm quen với biểu thức số. – Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc. – Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước. – Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học</i>	Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (chẳng hạn: gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Phân số		
Phân số	Làm quen với phân số	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được về $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; ...; $\frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan. Xác định được $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; ...; $\frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông. Nhận biết được tam giác, tứ giác. Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được việc vẽ góc vuông, đường tròn, vẽ trang trí. Sử dụng được ê ke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.
Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. Nhận biết được đơn vị đo diện tích: cm^2 (xăng-ti-mét vuông). Nhận biết được đơn vị đo độ dài: mm (mi-li-mét); quan hệ giữa các đơn vị m, dm, cm và mm.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được đơn vị đo độ dài: mm (mi-li-mét); quan hệ giữa các đơn vị m, dm, cm và mm. – Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: g (gam); quan hệ giữa g và kg. – Nhận biết được đơn vị đo dung tích: ml (mi-li-lít); quan hệ giữa l và ml. – Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$). – Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng); nhận biết được tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu HS đọc, viết số chỉ mệnh giá). – Nhận biết được tháng trong năm.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế, ...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. – Đọc được giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
	<i>Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2); khối lượng (g, kg); dung tích (ml, l); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm); tiền Việt Nam đã học. – Tính được chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh. – Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông. – Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một con gà khoảng 2 kg, ...). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ YÊU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
	Đọc, mô tả bảng số liệu	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
	Nhận xét về các số liệu trong bảng	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	Nhận biết và mô tả các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện	Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản (ví dụ: nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi tung một lần; nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với màu của quả bóng lấy ra từ hộp kín đựng các quả bóng có hai màu xanh hoặc đỏ; ...).
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
<p>Nhà trường tổ chức cho HS một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể.</p> <p><i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng như: thực hành tính và ước lượng chu vi, diện tích của một số hình phẳng trong thực tế liên quan đến các hình phẳng đã được học; thực hành đo, cân, đong và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ, ... – Thực hành thu thập, phân loại, sắp xếp số liệu thống kê (theo các tiêu chí cho trước) về một số đối tượng thống kê trong trường, lớp. <p><i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa (ví dụ: trò chơi học Toán hoặc các hoạt động “Học vui – Vui học”; trò chơi liên quan đến mua bán, trao đổi hàng hoá; lắp ghép, gấp, xếp hình; tung đồng xu, xúc xắc, ...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức toán.</p>		

2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng cho môn Toán lớp 3: $5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 175 \text{ tiết}$.

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung môn Toán lớp 3:

Mạch kiến thức	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất	Hoạt động thực hành và trải nghiệm
Thời lượng	70%	22%	3%	5%

Một số vấn đề cần lưu ý:

– Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất số tiết của mỗi bài sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

– Nên bố trí một số tiết dự phòng (so với tổng số tiết quy định trong Chương trình (CT) cả năm) để giáo viên (GV) có thể sử dụng cho giờ kiểm tra, bổ sung tiết cho những bài khó, bài dài hoặc dự phòng để bù giờ.

– Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng bài, từng chủ đề và mạch kiến thức đề xuất với Hiệu trưởng quyết định xếp thời khoá biểu sao cho hợp lí.

3. Phương pháp dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học vẫn là điểm nhấn chủ yếu nhất trong đổi mới CT môn Toán. Cần chú ý:

– Tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, phù hợp với tiến trình nhận thức, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS, tạo điều kiện giúp người học phát huy tính tích cực, độc lập, phát triển các năng lực chung và năng lực toán học.

– Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, ... Kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống.

– Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo tiến trình tổ chức cho HS hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện. Tiến trình đó bao gồm các bước chủ yếu: *Trải nghiệm – Kiến thức mới – Thực hành, luyện tập – Vận dụng*. Bên cạnh đó, tổ chức cho HS được tham gia một số hoạt động thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các hoạt động ngoài giờ chính khoá liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản.

– Quá trình dạy học Toán 3 không phải là quá trình áp đặt một cách cứng nhắc mà là một quá trình linh hoạt và có tính “mở”. GV cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tuy nhiên, việc điều chỉnh phải trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT môn Toán (với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học); nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hoá của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học.

4. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá năng lực người học thông qua các bằng chứng thể hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động học. Vận dụng kết hợp một cách đa dạng nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trải nghiệm khách quan, tự luận, bài thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, ...) và vào những thời điểm thích hợp.

GV nên thiết lập một bảng các yêu cầu cần đạt sau khi học mỗi đơn vị kiến thức để HS có thể biết và tự đánh giá kết quả học tập. Với mỗi bài học, mỗi đơn vị kiến thức, GV nên giao cho HS những mục tiêu và nhiệm vụ học tập cụ thể. GV có thể điều chỉnh các nhiệm vụ học tập nêu trong sách giáo khoa (SGK) để hoạt động học phù hợp với nhịp độ tiếp thu và trình độ nhận thức của HS.

Khi kết thúc một chủ đề, GV có thể tổ chức đánh giá kết quả học tập của HS và điều chỉnh cách dạy của mình.

Giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của GV, HS. Vì vậy, trong trường hợp cần dẫn hoặc thu gọn thời lượng dạy học, GV có thể căn cứ tình hình cụ thể để chủ động điều chỉnh miễn sao đảm bảo được mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

B. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3

1. Một số đặc điểm chung

Quán triệt tinh thần dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập tích cực (với sự trợ giúp, hướng dẫn hợp lí của GV), đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS:

1.1. Sách được phân chia thành 4 chủ đề:

- Chủ đề 1: Bảng nhân, bảng chia;
- Chủ đề 2: Nhân, chia các số trong phạm vi 1 000;

- Chủ đề 3: Các số trong phạm vi 100 000;
- Chủ đề 4: Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

Mỗi chủ đề bắt đầu bằng một tranh vẽ mô tả một tình huống nhằm khơi gợi ở HS sự tò mò, kích thích hứng thú học tập. Tên gọi của mỗi chủ đề nêu rõ những kiến thức kĩ năng trọng tâm được đề cập trong chủ đề.

1.2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ đề được phân chia thành các bài học. Điểm nhấn ở đây là mỗi bài học được tổ chức thành một chuỗi các hoạt động học tập của HS, sắp xếp theo tiến trình hướng đến việc khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng những kiến thức, kĩ năng trọng tâm của bài học, phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực của HS lớp 3. Vì vậy, cấu trúc mỗi bài học bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu*; *Hình thành kiến thức mới*; *Luyện tập, thực hành*; *Vận dụng, trải nghiệm*.

* *Mở đầu*: Mục đích của hoạt động này là *tạo tâm thế*, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập. GV không nên thông báo ngay các kiến thức có sẵn mà cần tạo ra các tình huống gợi vấn đề để HS huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân suy nghĩ tìm hướng giải quyết. Các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động này được thiết kế dựa trên mục tiêu bài học và vốn kiến thức đã có của HS, sẽ tạo ra một “kênh dẫn nhập” giúp HS hứng thú học tập, khám phá, tìm hiểu kiến thức mới.

* *Hình thành kiến thức mới*: Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS *chiếm lĩnh* được kiến thức, kĩ năng mới và đưa các kiến thức, kĩ năng mới vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân. GV giúp HS biết huy động kiến thức, chia sẻ và hợp tác trong học tập để xây dựng được kiến thức mới. Kết thúc hoạt động này, GV là người chuẩn hoá (chốt lại) kiến thức cho HS ghi nhận và vận dụng.

* *Luyện tập, thực hành*: Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS *củng cố, hoàn thiện* kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội và huy động, liên kết với kiến thức đã có để áp dụng vào giải quyết vấn đề. Kết thúc hoạt động này, nếu cần, GV có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết vấn đề để HS ghi nhận và vận dụng.

* *Vận dụng, trải nghiệm*: Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề có tính chất thực tiễn hoặc đưa ra yêu cầu hay dự án học tập nhỏ để HS thực hiện theo hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. Có thể tổ chức hoạt động này ngoài giờ học chính khoá. Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức, tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Trong từng bài học, SGK Toán 3 thiết kế nhiều dạng câu hỏi, bài tập hoặc hoạt động có tác dụng kích thích hứng thú và phát triển năng lực học tập môn Toán một cách sáng tạo cho HS. Những hoạt động/bài tập được gắn kí hiệu màu xanh hoặc màu da cam. Kí hiệu màu xanh nói rằng hoạt động/bài tập thuộc loại thực hành, luyện tập, củng cố trực tiếp. Còn màu da cam thuộc loại vận dụng giải quyết vấn đề thực tế hoặc mang tính chất thực tế. Ở mỗi bài học, khi cần thiết có đưa thêm các “bóng nói” hoặc các kí hiệu bằng hình vẽ, nhằm gợi ý, hướng dẫn HS suy nghĩ giải quyết vấn đề hoặc trao đổi thảo luận với các bạn, các thầy cô giáo. Cuối mỗi bài học, thông qua một tình huống gắn gũi với thực tế đời sống, HS làm quen với việc vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, HS còn được tạo cơ hội tham gia trả lời các câu hỏi và ứng đáp với các tình huống thách thức hơn nhằm phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và đáp ứng nhu cầu dạy học phân hoá.

Hầu hết các bài học trong SGK Toán 3 đều được thiết kế theo hướng kết nối giữa các hoạt động học lí thuyết với các hoạt động thực hành, luyện tập, ôn tập. Điều này giúp GV chủ động hơn trong bố trí thời gian thực hiện bài học và HS có cơ hội được phát triển các năng lực toán học và tăng cường khả năng tích hợp các kiến thức, kĩ năng ngay trong cùng một bài học.

Đặc biệt, cuối mỗi chủ đề HS được dành thời gian tham gia các hoạt động thực hành và trải nghiệm thông qua bài “*Em vui học Toán*”. Các hoạt động này sẽ giúp GV tạo cơ hội để thực hiện tốt việc dạy học tích hợp, đồng thời giúp HS làm quen với việc thực hành, vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn cuộc sống một cách sáng tạo.

2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt

Phân tích một số điểm mới trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt của SGK Toán 3:

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
A. SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
2.1.	<i>Các số trong phạm vi 10 000, phạm vi 100 000</i>	Củng cố, hoàn thiện tiến trình (quy trình) chung về cách hình thành và biểu diễn khái niệm số, không quá nhấn mạnh việc chia tách thành từng phân đoạn (vòng số thì mở rộng nhưng tiến trình là thông nhất). Cụ thể như sau: 1/ Các số trong phạm vi 10 000: a) Đọc, viết các số tròn nghìn, số 10 000. b) Hình thành, đọc, viết các số có bốn chữ số với quy trình sau: – Nhận biết số lượng đối tượng (đồ vật, ...) rồi hình thành số. – Đọc số bằng lời, ví dụ “ <i>Ba nghìn hai trăm năm mươi tư</i> ”.

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> - Viết số bằng kí hiệu, ví dụ 3 254. - Nhận biết khai triển theo hàng (số 3 254 gồm 3 nghìn 2 trăm 5 chục 4 đơn vị). - Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số, ví dụ $3\ 254 = 3\ 000 + 200 + 50 + 4$. <p>2/ Các số trong phạm vi 100 000:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đọc, viết các số tròn chục nghìn, số 100 000. b) Đếm, đọc, viết các số có năm chữ số với quy trình giống như đối với các số có bốn chữ số.
	<i>So sánh, xếp thứ tự các số</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc so sánh và sắp thứ tự các số không giới thiệu xen kẽ trong từng phần đoạn hình thành số. - Kế thừa cách “lập bảng phụ” để so sánh hai số như đã giới thiệu ở SGK Toán 2 nhưng với trường hợp “hai số có cùng số chữ số” yêu cầu ở mức độ cao hơn.
	<i>Làm tròn số</i>	<p>Làm quen với việc làm tròn số đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng chục thông qua quan sát vị trí các số trên tia số. - Hàng trăm thông qua “chuyển đi” kinh nghiệm từ việc làm tròn số đến hàng chục và chỉ xét với các ví dụ đơn giản. - Hàng nghìn, hàng chục nghìn tương tự như trên và chỉ xét các trường hợp đơn giản.
2.2.	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	<p>Hoàn thiện kĩ thuật tính cộng, trừ với các số trong phạm vi 100 000 (không nhớ hoặc có nhớ), trong đó chú ý các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng cố các thao tác “nền” khi cộng, trừ (có nhớ) theo “cột dọc”, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đặt tính và tính từ phải sang trái (cộng, trừ theo hàng). + Khi “cộng dọc”, số cần nhớ được chuyển sang hàng liền kề bên trái và được cộng thêm vào sau khi đã cộng các chữ số đứng ở hàng này. + Khi “trừ dọc”, số cần nhớ được chuyển vào số trừ (số đứng ở hàng dưới). - Cộng, trừ các số có nhiều chữ số cần chú ý các khó khăn của HS khi thực hiện các thao tác “kép”: vừa nhận biết các số lớn vừa thực hiện phép tính. - Chú ý cân đối cả yêu cầu tính nhẩm và sử dụng kĩ thuật tính viết theo “cột dọc”.

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
2.3.	Phép nhân, phép chia	<p>1/ Thực hành tính thông qua các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính “trong bảng”: Ôn tập lại các bảng nhân (chia) 2, 5; Vận dụng các bảng nhân (chia) 3, 4, 6, 7, 8, 9 trong tính toán. – Tính “ngoài bảng”: Nhân với (chia cho) số có một chữ số. <ul style="list-style-type: none"> + Chú ý rèn kĩ năng tính (cách tính), không nhấn mạnh việc phân chia theo dạng loại hình thức (có dư hay không có dư). + Chú ý hình thành cho HS quy trình thao tác khi thực hành tính nhân, ví dụ, khi nhân với số có một chữ số thì: nhân từ phải sang trái; từ dưới lên; nhân lần lượt từng chữ số (cho đến hết). Trường hợp nhân (có nhớ) vẫn phải nhân trước rồi cộng có nhớ sau. + Tương tự với hình thành cho HS quy trình thao tác khi thực hành tính chia đối với từng dạng cụ thể, ví dụ: làm quen với việc đặt tính và tính (chia – nhân – trừ – hạ); ghép cặp; thương có chữ số 0. <p>2/ Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân thông qua các ví dụ cụ thể.</p> <p style="text-align: center;">Ví dụ: Tính 7×4 và 4×7.</p> <p>3/ Vận dụng được quan hệ nhân, chia trong lập bảng nhân hoặc chia và tính toán.</p> <p>4/ Thực hành tính nhằm với việc sử dụng các bảng nhân, bảng chia đã học.</p> <p>5/ Thực hành nhân, chia gắn với số đo các đại lượng đã học.</p>
2.4.	Biểu thức số	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hành tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính không có dấu ngoặc hoặc có dấu ngoặc. – Chú ý: <ul style="list-style-type: none"> + Ở đây HS lần đầu tiên làm quen với tính giá trị của các biểu thức có hai phép tính nhân, chia, ví dụ: $15 : 3 \times 2$; $12 \times 4 : 6$ hoặc có cả cộng, trừ, nhân, chia, ví dụ: $8 : 2 + 10$; $29 - 5 \times 4$. + Đồng thời, học cách tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc: <p>Ví dụ: $(16 + 20) : 4$; $84 - (19 - 15)$; $9 \times (73 - 65)$.</p> <p>Vì vậy, cần cung cấp dần cho HS các kĩ thuật cơ bản.</p>

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
2.5.	<i>Xác định thành phần chưa biết của phép tính</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành vận dụng các quy tắc xác định thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết. - Thực hành vận dụng quan hệ cộng – trừ; nhân – chia trong kiểm tra kết quả của phép tính.
2.6.	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ, nhân, chia</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành giải toán: <ul style="list-style-type: none"> + Liên quan đến ý nghĩa thực tế của các phép tính (cộng, trừ, nhân, chia). + Liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính. + Liên quan đến quan hệ so sánh như: bài toán về nhiều hơn, ít hơn, so sánh hơn kém, gấp (giảm) một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé. + Bài toán có đến hai bước tính. - Tiếp tục củng cố, hoàn thiện kĩ năng “tiến trình” trong quá trình giải một bài toán có lời văn: Đọc (đề bài) – Hiểu (bài toán cho gì? Hỏi gì?) – Nghĩ (chọn phương án giải bài toán, trong đó lựa chọn phép tính giải phù hợp) – Nói (biểu đạt rõ ràng câu trả lời cho bài toán) – Viết bài trình bày (theo một định dạng thống nhất về lời giải của một bài toán có lời văn).
B. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
2.7.	<i>Hình phẳng và hình khối</i>	<p>1/ Các nội dung chủ yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số đối tượng cơ bản của hình phẳng và hình khối như: điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng; góc, góc vuông, góc không vuông; hình tam giác, hình tứ giác; một số yếu tố của khối lập phương, khối hộp chữ nhật (như đỉnh, cạnh, mặt). - Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. Sử dụng được ê ke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. <p>2/ Điểm nhấn về phương pháp dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi từ trực quan vật thật đến nhận dạng đặc điểm chung rồi hình thành biểu tượng, mô hình hình học.

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
2.8.	<i>Đại lượng và đo đại lượng</i>	<p>1/ Các nội dung chủ yếu:</p> <p>Làm quen với ứng dụng của toán học trong đời sống hằng ngày thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành cân, đo, đong, đếm với các đơn vị đo đại lượng (mm, g, ml, nhiệt độ, tháng, năm). Đo diện tích với đơn vị đo cm^2. <p>Chú ý: Ở lớp 3, HS làm quen với thực hành cân, đo, đong, đếm các đồ vật bé, nhẹ, dung tích nhỏ; tính diện tích các vật nhỏ như diện tích chiếc nhãn vở, quyển sách (ứng với đơn vị cm^2).</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc giờ (giờ hơn, giờ kém chính xác đến từng phút, đồng hồ kim và đồng hồ điện tử); đọc lịch (loại lịch có ghi đủ ngày tháng, tháng trong năm); đo nhiệt độ (trong nhà, trong lớp học, nhiệt độ cơ thể). – Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng) với các tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu đọc, viết số chỉ mệnh giá). Bước đầu tập trao đổi, mua bán với các tờ tiền đã biết. <p>2/ Điểm nhấn về phương pháp dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hình thành biểu tượng về đại lượng. – Giới thiệu công cụ đo, đơn vị đo và liên hệ giữa các đơn vị đo. – Thực hành tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng. – Thực hành đo đạc, giải quyết vấn đề thực tế.
C. MỘT SỐ YÊU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
2.9.	<i>Một số yếu tố thống kê</i>	<p>1/ Tiếp tục làm quen với việc: Thu thập – kiểm đếm số liệu thống kê.</p> <p>Chú ý rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng “vạch kiểm” để kiểm đếm số liệu thống kê và tiến trình đi từ “kiểm” rồi mới “đếm” số liệu thống kê.</p>

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm nhấn trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt
2.9.	<i>Một số yếu tố thống kê</i>	<p>2/ Biểu đồ tranh và bảng số liệu thống kê.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ôn tập, củng cố về biểu đồ tranh và cách đọc biểu đồ tranh. – Làm quen với bảng số liệu thống kê (chỉ giới thiệu bảng đơn) với các yếu tố cơ bản như: <ul style="list-style-type: none"> + Tên bảng: chỉ đối tượng thống kê; + Hàng trên: ghi tiêu chí thống kê; + Hàng dưới: ghi số liệu thống kê.
2.10.	<i>Một số yếu tố xác suất</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Tiếp tục làm quen với việc sử dụng các từ “Chắc chắn – Có thể – Không thể” để mô tả khả năng xảy ra của một sự việc trong một trò chơi hay hoạt động nào đó. – Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản.

D. CÁC KIỂU BÀI HỌC

2.11.	<p>Căn cứ mục tiêu dạy học có thể xem xét các kiểu bài học trong SGK Toán 3, đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> * <i>Bài mới</i>: Mục tiêu hình thành kiến thức, kỹ năng hoặc thuật toán, quy tắc mới. * <i>Bài Thực hành – Luyện tập</i> (bao gồm các dạng bài: Luyện tập, Luyện tập chung): Mục tiêu rèn luyện kỹ năng, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng đã học. * <i>Bài Ôn tập</i> (bao gồm các dạng bài: Ôn tập, Em ôn lại những gì đã học, Ôn tập chung): Mục tiêu ôn luyện, củng cố, vận dụng, phát triển những kiến thức, kỹ năng đã học. * <i>Em vui học Toán</i>: Đây là dạng bài được tổ chức thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm ôn tập, củng cố, thực hành vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn (có thể tổ chức ngoài giờ chính khóa). 	
-------	--	--

3. Dự kiến Khung phân phối chương trình

Khung phân phối chương trình (PPCT) dự kiến sau đây quy định thời lượng dạy học cho từng chủ đề, từng bài học trong SGK Toán 3. Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng cho các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Căn cứ Khung PPCT, các trường có thể điều chỉnh thời lượng dạy học cho từng chủ đề, từng bài học để có được kế hoạch giáo dục phù hợp. Đối với trường chỉ dạy học 1 buổi/ngày cũng có thể tham khảo Khung PPCT này.

STT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết
HỌC KÌ I (5 tiết × 18 tuần = 90 tiết)		
Chủ đề 1: Bảng nhân, bảng chia		48
§1	Ôn tập về các số trong phạm vi 1 000	1
§2	Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000	2
§3	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§4	Mi-li-mét	2
§5	Ôn tập về phép nhân, bảng nhân 2, bảng nhân 5	1
§6	Bảng nhân 3	2
§7	Bảng nhân 4	2
§8	Bảng nhân 6	2
§9	Gấp một số lên một số lần	1
§10	Bảng nhân 7	2
§11	Bảng nhân 8	2
§12	Bảng nhân 9	2
§13	Luyện tập	1
§14	Luyện tập (tiếp theo)	1
§15	Gam	2
§16	Ôn tập về phép chia, bảng chia 2, bảng chia 5	1
§17	Bảng chia 3	2
§18	Bảng chia 4	2
§19	Bảng chia 6	2
§20	Giảm một số đi một số lần	1
§21	Bảng chia 7	2
§22	Bảng chia 8	2
§23	Bảng chia 9	2
§24	Luyện tập	1
§25	Luyện tập (tiếp theo)	1

STT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết
§26	Một phần hai. Một phần tư	1
§27	Một phần ba. Một phần năm. Một phần sáu	1
§28	Một phần bảy. Một phần tám. Một phần chín	1
§29	Em ôn lại những gì đã học	2
§30	Em vui học Toán	2
Chủ đề 2: Nhân, chia các số trong phạm vi 1 000		41
§31	Nhân số tròn chục với số có một chữ số	1
§32	Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	1
§33	Luyện tập	1
§34	Phép chia hết. Phép chia có dư	2
§35	Chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số	1
§36	Chia cho số có một chữ số	1
§37	Luyện tập	1
§38	Luyện tập chung	1
§39	So sánh số lớn gấp mấy lần số bé	2
§40	Giải bài toán có đến hai bước tính	2
§41	Làm quen với biểu thức số	1
§42	Tính giá trị của biểu thức số	1
§43	Tính giá trị của biểu thức số (tiếp theo)	1
§44	Tính giá trị của biểu thức số (tiếp theo)	1
§45	Luyện tập chung	2
§46	Mi-li-lít	2
§47	Nhiệt độ	1
§48	Góc vuông. Góc không vuông	2
§49	Hình tam giác. Hình tứ giác	1
§50	Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác	2
§51	Hình chữ nhật	1
§52	Hình vuông	1
§53	Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông	2
§54	Em ôn lại những gì đã học	2

STT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết
§55	Em vui học Toán	2
§56	Ôn tập về phép nhân, phép chia trong phạm vi 1 000	2
§57	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§58	Ôn tập chung	2
HỌC KÌ II (5 tiết × 17 tuần = 85 tiết)		
Chủ đề 3: Các số trong phạm vi 100 000		31
§59	Các số trong phạm vi 10 000	2
§60	Các số trong phạm vi 10 000 (tiếp theo)	2
§61	Làm quen với chữ số La Mã	1
§62	Các số trong phạm vi 100 000	2
§63	Các số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§64	So sánh các số trong phạm vi 100 000	2
§65	Luyện tập	1
§66	Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng	1
§67	Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính	1
§68	Vẽ trang trí hình tròn	1
§69	Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	1
§70	Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	2
§71	Luyện tập chung	2
§72	Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	1
§73	Thực hành xem đồng hồ	2
§74	Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo)	2
§75	Tháng – Năm	2
§76	Em ôn lại những gì đã học	2
§77	Em vui học Toán	2
Chủ đề 4: Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000		53
§78	Phép cộng trong phạm vi 100 000	2
§79	Phép trừ trong phạm vi 100 000	2
§80	Tiền Việt Nam	1
§81	Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	1

STT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết
§82	Nhân với số có một chữ số (có nhớ)	2
§83	Luyện tập	2
§84	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000	1
§85	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§86	Luyện tập	2
§87	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§88	Luyện tập	2
§89	Luyện tập chung	2
§90	Tìm thành phần chưa biết của phép tính	2
§91	Tìm thành phần chưa biết của phép tính (tiếp theo)	2
§92	Luyện tập chung	2
§93	Diện tích một hình	1
§94	Đơn vị đo diện tích. Xăng-ti-mét vuông	2
§95	Diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình vuông	2
§96	Luyện tập chung	2
§97	Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê	2
§98	Bảng số liệu thống kê	2
§99	Khả năng xảy ra của một sự kiện	1
§100	Em ôn lại những gì đã học	2
§101	Em vui học Toán	2
§102	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000	2
§103	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§104	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§105	Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất	2
§106	Ôn tập chung	2

Lưu ý: Tổng cộng là 173 tiết, nhà trường chủ động sử dụng 2 tiết còn lại cho hoạt động kiểm tra và đánh giá.

Học kì I: 90 tiết;

Học kì II: 85 tiết.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC TỪNG BÀI TRONG SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Về nội dung

Nội dung chính của phần này là những gợi ý (hướng dẫn) soạn bài dạy học đối với một số dạng bài cơ bản trong SGK Toán 3.

Nội dung mỗi bài soạn có thể bao gồm các phần: *I. Yêu cầu cần đạt; II. Đồ dùng dạy học; III. Các hoạt động dạy học chủ yếu; IV. Lưu ý cho giáo viên. Trong phần III. Các hoạt động dạy học chủ yếu có hướng dẫn về các hoạt động: A. Hoạt động khởi động; B. Hoạt động hình thành kiến thức; C. Hoạt động thực hành, luyện tập; D. Hoạt động vận dụng. Đối với các bài luyện tập, ôn tập thì không có phần B. Hoạt động hình thành kiến thức.*

2. Về phương pháp

Trong mỗi bài soạn cần chú ý nêu phương thức tổ chức hoạt động học của HS, với các hoạt động chủ yếu như sau:

a) **Hoạt động cá nhân** là hoạt động yêu cầu HS thực hiện các bài tập/nhiệm vụ học tập một cách độc lập. Loại hoạt động này nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân của HS.

b) **Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm** là những hoạt động nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm hai HS. Còn hình thức hoạt động nhóm (từ ba HS trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) **Hoạt động chung cả lớp** là hình thức hoạt động phù hợp với số đông HS. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống: nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập trình bày trước tập thể lớp; ... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

Ngoài ra, GV nên chú ý các hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội, với cộng đồng như: giao tiếp với bạn bè, người thân trong gia đình, tham gia hoạt động ở địa phương, ...

3. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh

Khi soạn bài, GV cần chú ý phản ánh hoạt động đánh giá kết quả học tập của HS. Đó là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập của HS; hoạt động hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập môn Toán cũng như việc hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS trong quá trình học Toán 3.

GV cần chú ý thiết kế, tổ chức cho HS được tham gia đánh giá, tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình học môn Toán.

Thông qua quá trình đánh giá, GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập của HS.

4. Vấn đề liên hệ vận dụng thực tế

– GV cần tìm cách kết nối, liên hệ giữa các kiến thức toán dạy học trong nhà trường với thực tiễn đời sống hằng ngày của HS. Ví dụ, *xuất phát từ một nội dung dạy học môn Toán*, xác định những hoạt động thực tiễn liên hệ với nó, phân tích thành các hoạt động thành phần rồi căn cứ vào mục tiêu dạy học mà tổ chức cho HS thực hành trải nghiệm.

– *Căn cứ trên nhu cầu thực tiễn về đo đạc, tính toán*, nhận dạng các hình; khai thác thông tin, số liệu về văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, giao thông vận tải, ..., các thông tin liên quan đến các sự kiện thời sự, chính trị hằng ngày, ... đặc biệt nhu cầu về tính toán trong đời sống để đề xuất các bài tập hay tình huống học tập toán học cho HS.

– Tìm những thông tin, những số liệu khoa học kĩ thuật, hoặc *thông tin thực tế tại địa phương* (không chỉ là những bài tập có tính chất mô phỏng toán học của thực tiễn) để giới thiệu cho HS. Có thể cung cấp cho HS các thông tin liên quan đến thực tế đời sống.

– Nhận biết những cơ hội có thể *vận dụng tri thức toán học vào các môn học khác* trong nhà trường hoặc những hoạt động ngoài nhà trường như thực hành thu thập số liệu, đối chiếu, kiểm tra, ...

– Ngoài ra, GV cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp, đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố, ... phù hợp với nội dung học tập, điều kiện cơ sở vật chất của lớp học, đặc điểm và trình độ HS trong lớp học của mình.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC TỪNG BÀI

1 ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập củng cố cách đọc, viết, so sánh và xếp thứ tự các số trong phạm vi 1 000.
- Ôn tập về ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.
- Phát triển các năng lực (NL) toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Một số tình huống thực tế để HS ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

GV giới thiệu: Học Toán 3 chúng ta sẽ tiếp tục được học về số, về hình, làm tính cộng, tính trừ; tính nhân, tính chia; làm quen với ứng dụng của Toán học trong cuộc sống hằng ngày qua các hoạt động như: cân, đo, đong, đếm, xem đồng hồ, đọc nhiệt độ và xem lịch.

- HS làm quen với bộ đồ dùng học Toán 3.
- GV hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp, cách phát biểu, ...

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo nhóm, cá nhân HS thực hiện rồi nói cho bạn nghe cách làm.

a) HS xem hình vẽ, nêu số chỉ số lượng đồ vật có trong hình vẽ rồi viết số đó; đổi vở chấm chéo.

b) HS quan sát tia số, nhận biết các số đã cho trên tia số (từ 460 đến 500), quan sát các vạch trên đoạn (chẳng hạn từ 460 đến 470) và đếm liên tiếp các số từ vạch số 460. Từ đó, nhận biết số tương ứng trong ô đầu tiên (?) là số 461. Tương tự với các ô còn lại.

c) HS củng cố kĩ năng nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước, thông qua vị trí hoặc qua việc đếm.

d) Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:

Số 715 gồm 7 trăm 1 chục 5 đơn vị, viết là: $715 = 700 + 10 + 5$.

– GV chốt lại:

+ Cách đếm số lượng và viết số chỉ số lượng đã xác định.

+ Cách viết số có ba chữ số dưới dạng tổng của số tròn trăm, tròn chục và số đơn vị (cấu tạo thập phân của số có ba chữ số).

+ Cách xác định vị trí của một số trên tia số và nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước.

Bài 2. HS thực hiện:

– Phân tích tình huống thực tế, quy về bài toán so sánh, xếp thứ tự các số có đến ba chữ số.

– Trao đổi về cách so sánh các số có đến ba chữ số.

– So sánh trực tiếp từng cặp số, nhận biết số nào lớn nhất, từ đó trả lời: “Bạn Hương thu gom được nhiều vỏ chai nhựa nhất”.

– So sánh các số đã cho, xếp thứ tự từ lớn đến bé, từ đó nêu tên được các bạn theo thứ tự thu gom được số lượng vỏ chai nhựa từ nhiều đến ít.

GV chú ý rèn cho HS cách diễn đạt rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

Bài 3. HS quan sát tranh và thảo luận:

+ Ước lượng số con ong, số bông hoa bằng cách nào?

+ 1 chục là bao nhiêu đơn vị?

– HS ước lượng và đếm kiểm tra lại số con ong:

+ Ước lượng theo nhóm chục: thử đếm 1 chục con ong theo hàng ngang hoặc theo cột dọc. Phát hiện nhóm 1 chục con ong (tương tự như ở lớp 1 và lớp 2 thể hiện bằng cách khoanh tròn). Ước lượng theo “nhóm” 1 chục.

+ Đếm theo “nhóm” 1 chục để biết số lượng chính xác có tất cả bao nhiêu con ong. Đối chiếu với số ước lượng ban đầu. Nếu kết quả: Có tất cả 32 con ong.

– Tương tự như vậy, HS ước lượng và đếm kiểm tra lại số bông hoa:

+ Ước lượng theo “nhóm” 1 chục số bông hoa trong hình vẽ (trước hết quan sát số bông hoa có ở phía dưới bên trái hình vẽ).

+ Đếm để biết chính xác số lượng bông hoa và đối chiếu với số ước lượng ban đầu.

– GV chốt lại cách ước lượng theo nhóm chục:

+ Chọn nhóm mẫu có số lượng khoảng 1 chục.

+ Ước lượng theo số lượng nhóm mẫu.

– GV nêu: Trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đủ thời gian để đếm chính xác số lượng của nhóm vật, vì vậy việc ước lượng để biết số lượng gần đúng là rất cần thiết. Nhưng để biết chính xác số lượng thì phải đếm.

– Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các tình huống thực tế để HS ước lượng một số đồ vật theo nhóm 1 chục.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS lần lượt thực hiện các hoạt động sau:

- Quan sát các số ghế của hàng ghế trên cùng. Tìm quy tắc đánh số ghế.
- Quan sát các số ghế của hàng ghế thứ hai, của hàng ghế thứ ba. Tìm quy tắc đánh số ghế.
- Đối chiếu với số đã cho trong đề bài, từ đó chỉ ra vị trí các ghế ghi số 231 và 232.

(*) Cùng cố, dặn dò

- Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài tập em nhớ bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động đếm, đọc, so sánh, ước lượng, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để đưa ra cách thực hiện bài tập, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

2 ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết.
- Thực hành giải toán về quan hệ so sánh, bằng cách sử dụng phép tính trừ.
- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gần gũi với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn” ôn lại một số phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000 đã học.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện tìm kết quả các phép tính và cùng bạn chữa bài, kiểm tra kết quả. Nói cho bạn nghe cách tính nhằm từng cột.

Bài 2. HS đặt tính rồi tính, đổi chéo vở kiểm tra bài. HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra: bài này giúp HS ôn luyện kĩ năng tính cộng, trừ (tính viết – đặt tính rồi tính) trong phạm vi 1 000. HS nêu những lưu ý khi đặt tính rồi tính với từng dạng bài trong từng cột.

Bài 3. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

HS trình bày bài giải vào vở, kiểm tra lại phép tính đã đúng chưa, câu lời giải đã trả lời câu hỏi bài toán đặt ra chưa. GV gợi ý để HS nhận ra dạng toán, vận dụng cách giải quyết vào những dạng bài tương tự.

Bài 4. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải vào vở.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS đọc nội dung bài toán mẫu, trao đổi về dạng bài toán và cách giải bài toán. Từ đó, rút ra nhận xét về cách giải dạng toán này.

GV đặt câu hỏi và gợi ý để HS hiểu đây là dạng toán so sánh hơn hoặc kém, để tìm phần hơn hoặc phần kém, ta sử dụng phép tính trừ. GV khuyến khích HS tự lấy ví dụ tương tự rồi để bạn trả lời.

Sau đó, HS lần lượt giải các bài toán cho ở phần a) và b):

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

HS trình bày bài giải:

Bài giải

Số ngôi sao Hiền cắt được nhiều hơn Duy là:

$$11 - 9 = 2 \text{ (ngôi sao)}$$

Đáp số: 2 ngôi sao.

b) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

HS trình bày bài giải:

Bài giải

Số cá rô phi ít hơn số cá chép là:

$$241 - 38 = 203 \text{ (con)}$$

Đáp số: 203 con cá.

(*) Củng cố, dặn dò

- Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhớ bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tổng hợp về phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.
- Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với quan hệ so sánh, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

III. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Tiết 1 có thể kết thúc sau bài 3.

3 ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Luyện tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã được học từ lớp 2.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thước thẳng có vạch chia đến xăng-ti-mét.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS ôn tập về gọi tên điểm, đoạn thẳng, đường gấp khúc; độ dài đoạn thẳng; các hình khối: khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS quan sát tranh vẽ, nhận biết và nêu được những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu.

Bài 2

a) HS thực hành đo độ dài các đoạn thẳng và nhận biết đoạn thẳng có độ dài lớn nhất.

b) HS thực hành vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. GV lưu ý cho HS nhắc lại cách vẽ của mình.

Bài 3. HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ giờ đúng hoặc khi kim phút chỉ vào số 3, số 6.

Bài 4. HS quan sát và nhận dạng được sức chứa của mỗi đồ vật đã cho trên hình vẽ. Từ đó, tính tổng sức chứa của từng nhóm đồ vật đã cho trên từng hình vẽ, bằng cách sử dụng phép cộng hoặc phép nhân.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS quan sát sơ đồ, nhận ra khoảng cách giữa các địa điểm nêu trong sơ đồ; xác định quãng đường từ nhà Nguyễn đến nhà Khuê và quãng đường từ nhà Nguyễn đến thư viện. Từ đó, tính được quãng đường từ nhà Nguyễn đến nhà Khuê dài hơn quãng đường từ nhà Nguyễn đến thư viện là bao nhiêu mét.

b) Xác định các cách đi từ nhà Ngân đến khu vui chơi; tính chiều dài mỗi quãng đường đó. Từ đó, xác định được đường đi gần hơn từ nhà Ngân đến khu vui chơi.

GV khuyến khích HS nhìn vào sơ đồ, dựa vào các thông tin trên sơ đồ tự đặt các câu hỏi để bạn trả lời hoặc đưa ra nhận xét.

(* Củng cố, dặn dò

HS chia sẻ về những việc đã thực hiện được trong bài học này.

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc quan sát, nhận biết được những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

– Thông qua việc thực hành đo độ dài đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế trong 2 tiết. Tiết 1 có thể dừng ở bài 3.

4 MI-LI-MÉT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

– Biết mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài; đọc, viết tên, kí hiệu của nó; biết $1\text{ cm} = 10\text{ mm}$.

– Thực hiện được các phép tính với các số đo kèm theo đơn vị đo là mi-li-mét. Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Thực hành đo một số đồ vật với đơn vị đo mi-li-mét.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thước thẳng có vạch chia mi-li-mét.
- Một số đồ vật để đo với đơn vị đo độ dài là mi-li-mét.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

- HS thực hiện theo nhóm đo chiều dài, chiều rộng quyển sách Toán với đơn vị đo xăng-ti-mét. Khi đó, các em gặp khó khăn gì? (HS chia sẻ không đo chính xác được độ dày quyển sách Toán với đơn vị đo cm).

- GV giao tiếp nhiệm vụ: Hãy đo độ dày quyển sách Toán với đơn vị đo xăng-ti-mét.
- GV nêu vấn đề: Điều này đòi hỏi phải có một đơn vị đo độ dài nhỏ hơn đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét, các em có biết đó là đơn vị đo nào không?
- GV giới thiệu bài học mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết 1 mm:

- GV giới thiệu: mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài, mi-li-mét viết tắt là mm. HS đọc kí hiệu của mi-li-mét.

- HS lấy thước quan sát kĩ ngoài vạch chia xăng-ti-mét, trên thước còn có những vạch nào.

- GV hướng dẫn HS nhận biết độ dài 1 mm (khoảng cách giữa hai vạch nhỏ). HS lấy đầu bút chì di chuyển để nhận biết 1 mm.

- HS thực hiện theo nhóm bàn, dùng bút chì di chuyển và nói cho bạn nghe 1 mm, 2 mm, 3 mm, ...

2. Nhận biết 1 cm = 10 mm:

- HS thực hiện theo nhóm bàn, dùng bút chì di chuyển và nói cho bạn nghe 1 cm, rồi cùng nhau quan sát, dùng bút chì di chuyển lần lượt đếm 1 mm, 2 mm, ..., 10 mm. Nhận xét 1 cm = 10 mm.

- GV chiếu hình ảnh trong SGK và chốt lại: 1 cm = 10 mm; 10 mm = 1 cm.

3. HS suy nghĩ, chia sẻ với bạn một số đồ vật trong thực tế có độ dày hoặc độ dài 1 mm. HS nêu một vài ví dụ, chẳng hạn:

- + Độ dày của một đồng xu khoảng 1 mm.
- + Độ dày thẻ ngân hàng của mẹ khoảng 1 mm.
- + 5 tờ giấy dày khoảng 1 mm.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS quan sát rồi đọc số đo chiều dài mỗi đoạn dây với đơn vị đo là mi-li-mét.
- So sánh số đo chiều dài mỗi đoạn dây rồi cho biết đoạn dây nào dài hơn.

Bài 2. HS thực hành tính toán, chuyển đổi với các đơn vị đo độ dài đã học; đổi và kiểm tra kết quả và nói cho bạn nghe cách làm.

Bài 3

- HS ước lượng rồi chọn đơn vị đo thích hợp.
- HS giải thích được cách lựa chọn của mình cho bạn nghe, chẳng hạn:
Con hươu cao cổ cao 5 m. Con cá rô phi dài 20 cm. Con kiến dài 5 mm.
- GV chốt lại cách đọc, ghi số đo độ dài thích hợp với mỗi con vật được minh họa trong hình vẽ.
- HS nói cho bạn nghe con vật nào dài hơn, giải thích tại sao.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hành sử dụng thước thẳng có vạch chia mi-li-mét để đo độ dài một số đồ vật.

- Nếu có điều kiện, GV có thể tổ chức cho HS thực hành theo nhóm:
 - + HS đo từng đồ vật.
 - + HS có thể ghi kết quả trên phiếu. Các nhóm để phiếu tại góc của mình và đi chuyển vòng quanh để xem kết quả của các nhóm khác (kĩ thuật “Trạm học tập”).
 - + GV đặt câu hỏi để các nhóm chia sẻ những nhận xét và kinh nghiệm rút ra khi thực hành đo độ dài.

(* Củng cố, dặn dò

- Hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Các em đã được học đơn vị đo độ dài mi-li-mét, xăng-ti-mét, ... theo các em khi nào chúng ta dùng đơn vị đo là mi-li-mét? Khi nào dùng đơn vị đo là xăng-ti-mét? ...
- Trò chơi “Tìm bạn” theo nhóm hoặc cả lớp:
 - + Thiết kế các thẻ ghi tên các đơn vị đo (mm, cm, dm, m, km) và các vật cần đo (chiều dài lớp học, quãng đường từ tỉnh A sang tỉnh B, bề dày quyển sách, chiều cao con người, ...).
 - + Mỗi HS nhận một thẻ và tìm bạn thích hợp.

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc quan sát, nhận biết đơn vị đo độ dài mi-li-mét; thực hiện các phép tính kèm theo đơn vị đo là mi-li-mét, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

– Thông qua việc thực hành đo đồ vật với đơn vị mi-li-mét, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 1.

5 ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, BẢNG NHÂN 2, BẢNG NHÂN 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập về phép nhân, *Bảng nhân 2, Bảng nhân 5*.
- Làm quen với giải bài toán về phép nhân.
- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đếm cách 2” hoặc “Đếm cách 5”:

HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 2 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 30. Chẳng hạn, nếu rút được thẻ số 2 thì HS đếm: 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS quan sát lần lượt từng tranh vẽ.
- HS đối chiếu tranh thứ nhất với câu a) rồi nói, chẳng hạn: “Voi con xách 2 xô nước; 2 được lấy 1 lần; $2 \times 1 = 2$ ”.

Làm tương tự với các trường hợp còn lại.

Bài 2

- HS quan sát lần lượt từng tranh vẽ.
- HS đối chiếu tranh thứ nhất với câu a) rồi nói, chẳng hạn: “5 được lấy 1 lần; $5 \times 1 = 5$ ”.

Làm tương tự với các trường hợp còn lại.

Bài 3. HS tính nhẩm và viết kết quả vào vở rồi đổi chéo vở kiểm tra bài.

HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra bài này giúp HS ôn luyện kỹ năng vận dụng *Bảng nhân 2* và *Bảng nhân 5* để tính nhân 2 hoặc 5 với một số.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS đọc nội dung bài toán mẫu, trao đổi về dạng loại bài toán và cách giải bài toán. Từ đó, rút ra nhận xét về cách giải dạng toán này. GV giới thiệu: Ở bài toán này, đây là lần đầu tiên chúng ta làm quen với dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa của phép nhân và cách trình bày bài giải của dạng toán này.

Sau đó, HS giải bài toán cho ở phần sau:

– HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

– HS trình bày bài giải:

Bài giải

Số chân của 8 con gà là:

$$2 \times 8 = 16 \text{ (chân)}$$

Đáp số: 16 chân.

(* Củng cố, dặn dò

– Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

– Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắc bạn điều gì?

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua thực hành ôn luyện kỹ năng vận dụng *Bảng nhân 2* và *Bảng nhân 5* để tính nhân 2 hoặc 5 với một số, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

– Thông qua việc vận dụng các kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

III. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV tổ chức các hoạt động cho phù hợp.

6 BẢNG NHÂN 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

– Tìm được kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 3* và thành lập *Bảng nhân 3*.

– Vận dụng *Bảng nhân 3* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần với thực tiễn.

– Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 3 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.

– Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 3*.

– Các thẻ giấy ghi các số: 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đếm cách 3”:

HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 3 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 30. Chẳng hạn, nếu rút được thẻ số 6 thì HS đếm: 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30.

2. HS *quan sát bức tranh* trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi tầng của kệ bày hoa có 3 chậu hoa, 3 tầng có 9 chậu hoa.

– GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

3 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $3 \times 3 = 9$.

– GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh.

Sau đó, GV có thể khai thác thêm, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 tầng có 3 chậu hoa nữa thì ta có phép nhân nào? ($3 \times 4 = 12$).

Nếu tiếp tục thêm 1 tầng có 3 chậu hoa nữa thì sao?

...

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 3*:

– HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 3 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:


+ Tay đặt 1 tấm thẻ , miệng nói:

3 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: $3 \times 1 = 3$.

+ Tay đặt 2 tấm thẻ , miệng nói:

3 được lấy 2 lần. Ta có: $3 \times 2 = 3 + 3 = 6$. Vậy $3 \times 2 = 6$.



+ Tay đặt 3 tấm thẻ , miệng nói:

3 được lấy 3 lần. Ta có $3 \times 3 = 3 + 3 + 3 = 9$. Vậy $3 \times 3 = 9$.

...

HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành *Bảng nhân 3*.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 3*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 3* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 3*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

– Cả nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 3* để tìm kết quả).

– Đố vờ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS thực hiện phép nhân với các số có đơn vị đo đã học.

– Đố vờ, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

– GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét nêu cách làm bài tập, ví dụ $3 \text{ kg} \times 2$ như sau:

+ Thực hiện phép nhân $3 \times 2 = 6$.

+ Ghi kết quả có kèm đơn vị đo: $3 \text{ kg} \times 2 = 6 \text{ kg}$.

Bài 3

– Cả nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vờ hoặc bảng con.

– Nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chẳng hạn:

+ Mỗi hàng ghế có 3 người, có 4 hàng ghế. 3 được lấy 4 lần.

Ta có phép nhân: $3 \times 4 = 12$. Vậy có tất cả 12 người.

+ Mỗi nhóm có 3 chiếc mũ, có 3 nhóm. 3 được lấy 3 lần.

Ta có phép nhân: $3 \times 3 = 9$. Vậy có tất cả 9 chiếc mũ.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu có 5 hàng ghế thì có tất cả bao nhiêu người? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự để bạn trả lời.

Bài 4

a) HS đếm cách 3, khi đếm đến số ở vị trí của ô (?) thì dừng lại để đọc số đó lên (hoặc ghi số đó vào vở học cá nhân).

b) HS lấy ra các chấm tròn rồi xếp các chấm tròn thích hợp với từng phép nhân.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải vào vở.

b) HS kể một tình huống sử dụng phép nhân 3×7 trong thực tế.

(* Củng cố, dặn dò

– GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, các em đọc lại bảng nhân và đồ mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 3*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 3*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 3*, vận dụng *Bảng nhân 3* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.

– Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

7

BẢNG NHÂN 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 4* và thành lập *Bảng nhân 4*.
- Vận dụng *Bảng nhân 4* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần gũi với thực tiễn.

– Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 4 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 4*.
- Các thẻ giấy ghi các số: 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại *Bảng nhân 3*.

2. HS *quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi xe ô tô có 4 bạn, 3 xe ô tô có 12 bạn.*

– GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

4 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $4 \times 3 = 12$.

– GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh.

Sau đó, GV có thể khai thác, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 xe ô tô nữa thì ta có phép nhân nào? ($4 \times 4 = 16$).

Nếu tiếp tục thêm 1 xe ô tô có 4 bạn nữa thì sao?

...


B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 4*:


– HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 4 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:

+ Tay đặt 1 tấm thẻ , miệng nói:

4 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: $4 \times 1 = 4$.

+ Tay đặt 2 tấm thẻ , miệng nói:

4 được lấy 2 lần. Ta có: $4 \times 2 = 4 + 4 = 8$. Vậy $4 \times 2 = 8$.

+ Tay đặt 3 tấm thẻ , miệng nói:

4 được lấy 3 lần. Ta có: $4 \times 3 = 4 + 4 + 4 = 12$. Vậy $4 \times 3 = 12$.

...

HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành *Bảng nhân 4*.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS tìm kết quả một vài phép tính sau đó chia nhóm để HS tự tìm kết quả mỗi phép tính trong *Bảng nhân 4*. HS có thể tìm kết quả các phép nhân bằng các cách khác nhau không nhất thiết lúc nào cũng phải lấy ra các thẻ chấm tròn.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 4*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 4* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 4*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

– Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 4* để tìm kết quả).

– Đòi vờ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS thực hiện các phép nhân, chọn kết quả tương ứng và chỉ ra sự kết nối giữa phép tính với kết quả.

– Đòi vờ, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

– Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

– Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.

– Nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chẳng hạn:

a) Mỗi hộp có 4 cái bánh, có 6 hộp như vậy. 4 được lấy 6 lần. Ta có phép nhân: $4 \times 6 = 24$. Vậy có tất cả 24 cái bánh.

b) Mỗi rổ có 4 củ cải, có 4 rổ như vậy. 4 được lấy 4 lần. Ta có phép nhân: $4 \times 4 = 16$. Vậy có tất cả 16 củ cải.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu có 7 chiếc rổ như thế thì có tất cả bao nhiêu củ cải? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự để bạn trả lời.

Bài 4

a) HS chơi trò chơi “Đếm cách 4”, cùng nhau đếm: 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40.

b) HS thảo luận nhóm xếp các chấm tròn thích hợp với phép nhân 4×3 ; 4×7 .

Ví dụ: HS xếp các chấm tròn thành 3 hàng, mỗi hàng có 4 chấm rồi nói: $4 \times 3 = 12$; hoặc xếp các chấm tròn thành 3 cột, mỗi cột có 4 chấm tròn rồi nói: $4 \times 3 = 12$. HS có thể nêu các phép nhân khác rồi để bạn xếp các chấm tròn thích hợp.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải vào vở.

b) HS kể một tình huống sử dụng phép nhân 4×5 trong thực tế.

(*) **Củng cố, dặn dò**

- GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 4* và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 4*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 4*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

- Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 4*, vận dụng *Bảng nhân 4* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.
- Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

8 BẢNG NHÂN 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 6* và thành lập *Bảng nhân 6*.
- Vận dụng *Bảng nhân 6* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 6 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 6*.
- Các thẻ giấy ghi các số: 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48; 54; 60.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các bảng nhân đã học.

2. HS *quan sát bức tranh* trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi ngăn có 6 chiếc ba lô, 3 ngăn có 18 chiếc ba lô.

- GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

6 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $6 \times 3 = 18$.

- GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh.

Sau đó, GV có thể khai thác, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 ngăn nữa thì ta có phép nhân nào? ($6 \times 4 = 24$).

Nếu tiếp tục thêm 1 ngăn nữa thì sao?

...


B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 6*:

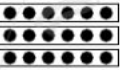
– HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 6 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:

+ Tay đặt 1 tấm thẻ , miệng nói:

6 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: $6 \times 1 = 6$.

+ Tay đặt 2 tấm thẻ , miệng nói:

6 được lấy 2 lần. Ta có $6 \times 2 = 6 + 6 = 12$. Vậy $6 \times 2 = 12$.

+ Tay đặt 3 tấm thẻ , miệng nói:

6 được lấy 3 lần. Ta có $6 \times 3 = 6 + 6 + 6 = 18$. Vậy $6 \times 3 = 18$.

...

HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành *Bảng nhân 6*.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS tìm kết quả một vài phép tính sau đó chia nhóm để HS tự tìm kết quả mỗi phép tính trong *Bảng nhân 6*. HS có thể tìm kết quả các phép nhân bằng các cách khác nhau không nhất thiết lúc nào cũng phải lấy ra các thẻ chấm tròn.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 6*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 6* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 6*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

– Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 6* để tìm kết quả).

– Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS thực hiện theo cặp, quan sát mẫu và thảo luận cách làm, chẳng hạn:

Mỗi hộp bánh có 6 chiếc bánh, ta có:

1 hộp bánh có số chiếc bánh là $6 \times 1 = 6$

2 hộp bánh có số chiếc bánh là $6 \times 2 = 12$

3 hộp bánh có số chiếc bánh là $6 \times 3 = ?$

...

10 hộp bánh có số chiếc bánh là $6 \times 10 = ?$

– HS thực hiện cá nhân, đổi vở kiểm tra bài.

– GV chữa bài, khuyến khích HS nói phép tính gắn với ý nghĩa phép tính, biết số chiếc bánh trong mỗi hộp, để tìm số chiếc bánh ta lấy số bánh trong mỗi hộp nhân với số hộp. Nếu còn thời gian, GV khuyến khích HS liên hệ tình huống tương tự trong cuộc sống.

Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.

– Nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chẳng hạn:

a) Mỗi hộp có 6 cái bút chì màu, có 2 hộp như vậy, 6 được lấy 2 lần. Ta có phép nhân: $6 \times 2 = 12$. Vậy có tất cả 12 bút chì màu.

b) Mỗi bình có 6 con cá, có 3 bình như vậy, 6 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: $6 \times 3 = 18$. Vậy có tất cả 18 con cá.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu có 4 bình như thế thì có tất cả bao nhiêu con cá? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đó bạn trả lời.

Bài 4. HS thảo luận nhóm vẽ vào bảng con 3 nhóm, mỗi nhóm 6 chấm tròn rồi nói: $6 \times 3 = 18$. HS có thể nêu các phép nhân khác rồi đó bạn vẽ các chấm tròn thích hợp.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải vào vở.

b) HS kể một tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 6*.

(*) Cùng cố, dặn dò

– GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 6* và đó mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 6*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 6*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 6*, vận dụng *Bảng nhân 6* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.

– Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

9

GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được gấp một số lên một số lần (bằng cách lấy số đó nhân với số lần).
- Vận dụng quy tắc nói trên để giải quyết một số bài toán và tình huống gần với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hai đoạn dây, trong đó một đoạn dài gấp 3 lần đoạn kia.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu tính độ dài của một đoạn thẳng gấp một số lần độ dài của một đoạn thẳng cho trước.
- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

- HS lấy một băng giấy hoặc một sợi dây, thảo luận và thực hành lấy ra một băng giấy (sợi dây) gấp 3 lần băng giấy (sợi dây) ban đầu. Chia sẻ cách thực hiện.
- GV nêu vấn đề: “Lấy đoạn thẳng AB dài 2 cm, làm thế nào để lấy ra được đoạn dây dài gấp 3 lần độ dài đoạn thẳng AB”.
- HS thảo luận giải quyết vấn đề.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- HS đọc bài toán, phân tích bài toán cho gì, hỏi gì. HS nêu cách hiểu nội dung bài toán.
- HS suy nghĩ cách giải quyết vấn đề bài toán đặt ra và chia sẻ với bạn.
- HS đối chiếu cách giải quyết vấn đề của mình với cách giải quyết vấn đề của hai bạn trong bức tranh và nêu nhận xét. GV đặt câu hỏi và dẫn dắt giúp HS hiểu rõ cách giải quyết vấn đề, chẳng hạn:

+ Bạn gái trong bức tranh đã dựa vào sơ đồ đoạn thẳng để suy nghĩ lựa chọn phép tính thích hợp cho phương án giải bài toán.

+ Đoạn thẳng AB dài 2 cm, coi đây là một phần. Đoạn CD gấp 3 lần đoạn thẳng AB nên được biểu diễn là 3 phần như thế.

+ Quan sát sơ đồ, ta thấy độ dài CD chính là 3 lần độ dài đoạn thẳng AB.

+ Vậy để tìm độ dài đoạn thẳng CD, ta lấy độ dài đoạn thẳng AB nhân với số lần là 3.

– HS nêu câu lời giải và trình bày bài giải như SGK.

HS kiểm tra xem phép tính đã chính xác chưa, bài giải đã giải quyết được câu hỏi bài toán đặt ra chưa, HS rút ra cách giải quyết cho những bài toán tương tự.

– GV chốt lại:

+ Đây là dạng toán “gấp một số lên một số lần”.

+ Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

– GV lấy một vài ví dụ đơn giản chẳng hạn gấp 6 lên 5 lần, gấp 2 lên 4 lần, ...

– HS tự lấy ví dụ về gấp một số lên một số lần. GV có thể tổ chức thành trò chơi “Đố bạn”, “Truyền điện”, ...

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

– HS nhắc lại quy tắc “gấp một số lên một số lần”; thực hiện các phép nhân, tìm kết quả rồi chỉ ra các số tương ứng cho ô .

– Đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

Bài 2. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì, chẳng hạn: “Bình nhỏ có mấy lít nước? Bình to so với bình nhỏ như thế nào? Bài toán yêu cầu tìm gì?”. HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải:

Bài giải

Bình to có số lít nước là:

$$2 \times 5 = 10 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 10 lít nước.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì, chẳng hạn: Có mấy em đăng kí học bơi? Số em đăng kí học các môn thể thao khác so với số đăng kí học bơi thì như thế nào? Bài toán yêu cầu tìm gì?

– HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

– HS trình bày bài giải.

(*) Củng cố, dặn dò

- GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, các em đọc lại cách giải dạng toán gấp một số lên một số lần.
- Tìm tình huống thực tế liên quan đến dạng toán gấp một số lên một số lần, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc học cách giải dạng toán gấp một số lên một số lần, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

10 BẢNG NHÂN 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 7* và thành lập *Bảng nhân 7*.
- Vận dụng *Bảng nhân 7* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 7 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 6*.
- Các thẻ giấy ghi các số: 7; 14; 21; 28; 35; 42; 49; 56; 63; 70.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các *Bảng nhân* đã được học.

2. HS *quan sát bức tranh* trong SGK, *nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh*. Mỗi bó hoa có 7 bông hoa, 3 bó hoa có 21 bông hoa.

- GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

7 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $7 \times 3 = 21$.

- GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh. Sau đó, GV có thể khai thác, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 bó hoa nữa thì ta có phép nhân nào? ($7 \times 4 = 28$).

Nếu tiếp tục thêm 1 bó hoa nữa thì sao?

...

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 7*:

HS thảo luận nhóm, tìm kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 7*. HS có thể sử dụng các thẻ chấm tròn như SGK hoặc sử dụng cách khác để tìm kết quả phép tính.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 7*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 7* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 7*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

– Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 7* để tìm kết quả).

– Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS thực hiện theo cặp, quan sát mẫu và thảo luận cách làm, chẳng hạn:

Mỗi tuần có 7 ngày, ta có

1 tuần có số ngày là $7 \times 1 = 7$

2 tuần có số ngày là $7 \times 2 = 14$

3 tuần có số ngày là $7 \times 3 = ?$

...

10 tuần có số ngày là $7 \times 10 = ?$

– HS thực hiện cá nhân, đổi vở kiểm tra bài.

– Nếu còn thời gian, GV khuyến khích HS liên hệ tình huống tương tự trong cuộc sống.

Bài 3

– Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.

– Nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với bức tranh, chẳng hạn:

Trên mỗi cái bánh có 7 ngọn nến, có 4 cái bánh như vậy, 7 được lấy 4 lần. Ta có phép nhân: $7 \times 4 = 28$. Vậy có tất cả 28 ngọn nến.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu có 7 cái bánh như thế thì có tất cả bao nhiêu ngọn nến? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự rồi đố bạn trả lời.

Bài 4

HS có thể quay kim trên vòng tròn hoặc chọn số bất kì trong vòng tròn và thực hiện phép nhân 7 với số đó rồi nêu kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải.

b) HS kể một tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 7*.

(* Củng cố, dặn dò

– GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 7* và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 7*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 7*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 7*, vận dụng *Bảng nhân 7* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.

– Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

11 BẢNG NHÂN 8

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 8* và thành lập *Bảng nhân 8*.
- Vận dụng *Bảng nhân 8* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 8 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 8*.
- Các thẻ giấy ghi các số: 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72; 80.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các bảng nhân đã học.

2. HS *quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi hộp có 8 cái bánh, 3 hộp có 24 cái bánh.*

– GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

8 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $8 \times 3 = 24$.

– GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh.

Sau đó, GV có thể khai thác, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 hộp thì ta có phép nhân nào? ($8 \times 4 = 32$).

Nếu tiếp tục thêm 1 hộp nữa thì sao?

...

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 8*:

HS thảo luận nhóm, tìm kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 8*. HS có thể sử dụng các thẻ chấm tròn như SGK hoặc sử dụng cách khác để tìm kết quả phép tính.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 8*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 8* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 8*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

– Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 8* để tìm kết quả).

– HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS nhắc lại quy tắc “gấp một số lên một số lần”; thực hiện các phép nhân, tìm kết quả rồi chỉ ra các số tương ứng cho ô

– HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

Bài 3

– Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.

– HS nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chẳng hạn:

a) Trong mỗi hộp bánh có 8 cái bánh, có 3 hộp bánh như vậy, 8 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: $8 \times 3 = 24$. Vậy có tất cả 24 cái bánh.

b) Ở mỗi bó có 8 ống nước, có 5 bó như vậy, 8 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân: $8 \times 5 = 40$. Vậy có tất cả 40 ống nước.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng. Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự để bạn trả lời.

Bài 4. HS thảo luận về yêu cầu của đề bài, đọc phép nhân đã cho; vẽ vào bảng con 2 nhóm, mỗi nhóm 8 chấm tròn rồi nói: $8 \times 2 = 16$.

HS có thể nêu các phép nhân khác rồi để bạn vẽ các chấm tròn thích hợp.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải.

b) HS kể một tình huống sử dụng phép nhân 8×7 trong thực tế.

(*) **Củng cố, dặn dò**

– GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 8* và để mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 8*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 8*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

– Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 8*, vận dụng *Bảng nhân 8* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.

– Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

12 BẢNG NHÂN 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

– Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 9* và thành lập *Bảng nhân 9*.

– Vận dụng *Bảng nhân 9* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần với thực tiễn.

– Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 9 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 9*.
- Các thẻ giấy ghi các số: 9; 18; 27; 36; 45; 54; 63; 72; 81; 90.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các bảng nhân đã học.

2. HS *quan sát bức tranh* trong SGK, *nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh*. Mỗi hộp có 9 cái bút màu, có 3 hộp như vậy, 9 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: $9 \times 3 = 27$. Vậy có tất cả 27 bút màu.

- GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

9 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: $9 \times 3 = 27$.

- GV có thể dùng máy chiếu để HS thấy rõ tình huống nêu trong bức tranh.

Sau đó, GV có thể khai thác, chẳng hạn:

Nếu thêm 1 hộp bút nữa thì ta có phép nhân nào? ($9 \times 4 = 36$).

Nếu tiếp tục thêm 1 hộp nữa thì sao?

...

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thành lập *Bảng nhân 9*:

HS thảo luận nhóm, tìm kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 9*. HS có thể sử dụng các thẻ chấm tròn như SGK hoặc sử dụng cách khác để tìm kết quả phép tính.

2. GV giới thiệu *Bảng nhân 9*, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 9* rồi đọc cho bạn nghe.

3. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời kết quả của các phép tính trong *Bảng nhân 9*.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

- Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 9* để tìm kết quả).

- HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Bài 2

– HS nhắc lại quy tắc “gấp một số lên một số lần”; thực hiện các phép nhân, tìm kết quả rồi chỉ ra các số tương ứng trong ô $\boxed{?}$.

– Đòi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

Bài 3

– Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.

– Nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chẳng hạn:

a) Có 4 đàn gà, mỗi đàn có 9 con gà. Như vậy, 9 được lấy 4 lần. Ta có phép nhân: $9 \times 4 = 36$. Vậy có tất cả 36 con gà.

b) Có 3 đàn cá, mỗi đàn có 9 con cá. Như vậy, 9 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: $9 \times 3 = 27$. Vậy có tất cả 27 con cá.

– HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng. Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự để bạn trả lời.

Bài 4. HS có thể quay kim trên vòng tròn hoặc chọn số bất kì trong vòng tròn và thực hiện phép nhân 9 với số đó rồi nêu kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

a) HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải.

b) Kể một tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 9*.

(*). **Củng cố, dặn dò**

– GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 9* và để mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 9*. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 9*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*). **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

– Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân 9*, vận dụng *Bảng nhân 9* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.

– Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập về các bảng nhân đã học.
- Vận dụng giải quyết một số tình huống thực tế gắn với giải bài toán về phép nhân.
- Phát triển các NL toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các bảng nhân đã học.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập**Bài 1**

a) HS tính và viết kết quả vào vở rồi đổi chéo vở kiểm tra bài. HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra bài này giúp HS ôn luyện kỹ năng vận dụng các bảng nhân đã học để thực hiện các phép nhân được cho trong bài.

b) HS quan sát lần lượt từng hình vẽ.

HS quan sát hình vẽ thứ nhất rồi nói, chẳng hạn: “Mỗi hàng có 2 chấm xanh; 2 được lấy 6 lần; $2 \times 6 = 12$ ” hoặc “Mỗi cột có 6 chấm xanh; 6 được lấy 2 lần; $6 \times 2 = 12$ ”.

Làm tương tự với trường hợp còn lại.

Bài 2

a) HS tính nhẩm và viết kết quả vào vở rồi đổi chéo vở kiểm tra bài. HS quan sát kết quả mỗi phép tính, đọc nhận xét rút ra được, nêu thêm ví dụ để cùng cố nhận xét.

GV nhấn mạnh tính chất: Số nào nhân với 1 cũng có kết quả bằng chính số đó và 1 nhân với số nào cũng cho kết quả bằng chính số đó.

b) HS vận dụng tính chất trên để lấy ví dụ như câu a) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn $2 \times 1 = 2$, $1 \times 2 = 2$.

Bài 3

a) HS đọc kỹ nội dung trong hình vẽ; đọc nhận xét rút ra được; nêu ví dụ để cùng cố nhận xét.

GV nhấn mạnh tính chất: Số nào nhân với 0 cũng có kết quả bằng 0 và 0 nhân với số nào cũng cho kết quả bằng 0.

b) HS vận dụng tính chất trên để thực hiện các phép tính nhằm đã cho, chẳng hạn $0 \times 7 = 0, 7 \times 0 = 0$.

c) HS lấy ví dụ tương tự câu a) rồi chia sẻ với bạn.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS xem tranh, nêu tình huống, chẳng hạn: Có 3 nhóm thiên nga đang bơi, mỗi nhóm có 4 con thiên nga. Hỏi có tất cả bao nhiêu con thiên nga đang bơi?

(*). Củng cố, dặn dò

- Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì?

(*). Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua thực hành ôn luyện kỹ năng vận dụng các bảng nhân và tính chất của số 1 và số 0 trong phép nhân để làm tính nhân, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

– Thông qua việc vận dụng các kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

III. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV tổ chức các hoạt động cho phù hợp.

14 LUYỆN TẬP (tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập về các bảng nhân đã học.
- Làm quen với *Bảng nhân* hai lối vào và sử dụng bảng này trong thực hành tính.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Các thẻ giấy ghi các số: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng” ôn lại các bảng nhân đã học.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS lấy ra một nhóm các thẻ số. Chọn hai thẻ số bất kì. Nêu phép nhân thích hợp rồi tính kết quả.

HS có thể thi đua lập được nhiều phép nhân và tính đúng kết quả, nếu có phép tính nào tính sai thì HS chữa bài cho nhau.

Lưu ý: Bài này giúp HS ôn luyện kĩ năng vận dụng các bảng nhân đã học để thực hiện các phép tính nhân đã học.

Bài 2

a) HS quan sát kĩ *Bảng nhân* hai lối vào và đọc hướng dẫn sử dụng bảng.

b) HS vận dụng *Bảng nhân* trên để thực hiện các phép tính nhân đã cho, chẳng hạn tra bảng để tìm kết quả phép nhân $7 \times 7 = 49$.

Làm tương tự với các trường hợp còn lại.

Bài 3. HS sử dụng *Bảng nhân* trên để thực hiện các phép tính nhân đã cho, chẳng hạn tra bảng để tìm kết quả phép nhân $4 \times 2 = 8$. Từ đó, phát hiện phép tính sai: $4 \times 2 = 9$ và sửa lại cho đúng.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hiện trò chơi: Một bạn nêu phép nhân, bạn kia tính kết quả, nếu tính đúng thì dành được quyền đồ bạn.

– HS nêu suy nghĩ cá nhân về những ứng dụng của *Bảng nhân*.

Lưu ý: Nếu có thời gian GV nên cho HS tự lập *Bảng nhân* rồi treo ở vị trí dễ quan sát của lớp học hoặc lập *Bảng nhân* ra nháp để tra và sử dụng khi cần thiết.

(* Củng cố, dặn dò

– Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

– Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhớ bạn điều gì?

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua thực hành ôn luyện kĩ năng vận dụng các bảng nhân đã học (bao gồm cả *Bảng nhân* hai lối vào) để làm tính nhân, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

– Thông qua việc vận dụng các kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV tổ chức các hoạt động cho phù hợp.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được gam là đơn vị đo khối lượng; đọc, viết tên và kí hiệu của nó. Cảm nhận được 1 g . Biết $1\text{ kg} = 1\ 000\text{ g}$.
- Thực hiện được các phép tính với các số đo kèm theo đơn vị đo là gam và ki-lô-gam. Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.
- Thực hành ước lượng, cân một số đồ vật với đơn vị đo gam, ki-lô-gam.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Một chiếc cân đĩa hoặc cân điện tử/cân đồng hồ có thể cân được một số đồ vật nhỏ với đơn vị đo là gam; một đồ vật trong bộ đồ dùng học toán nặng khoảng 1 g . Hai gói đường 500 g , một gói muối 1 kg .
- HS:
 - + Mỗi nhóm chuẩn bị một đồ vật cân nặng khoảng 1 g (đồng xu, cúc áo, nắp chai, ...).
 - + HS tìm hiểu trước ở nhà một số thông tin về cân nặng của một số vật dụng thông qua thông tin trên bao bì (ví dụ: tuýp kem đánh răng 120 g , một cái xúc xích 40 g , ...).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS quan sát tranh trong SGK, nói cho bạn nghe thông tin về bức tranh.

GV giới thiệu: Các em đã học đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam (kg) ở lớp 2, chúng ta cũng thấy trong cuộc sống để xác định cân nặng của một số đồ vật nhẹ, người ta còn dùng đơn vị đo gam. Đó là nội dung bài hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết 1 g :

a) GV dẫn nhập, chẳng hạn: Hôm trước, các em đã tìm hiểu ở nhà thông tin về cân nặng của một số đồ vật, hãy chia sẻ với các bạn.

HS chia sẻ một số thông tin đã tìm hiểu, chẳng hạn: Tuýp kem đánh răng cân nặng 120 g , một cái xúc xích cân nặng 40 g , ...

b) Giới thiệu gam là một đơn vị đo khối lượng, gam viết tắt là g.

c) Cảm nhận về cân nặng 1 g.

+ HS lấy đồ vật cân nặng khoảng 1 g, nâng trên bàn tay cảm nhận 1 g (GV chuẩn bị trước một đồng xu, hay khối lập phương, miếng bia, ...).

+ HS chia sẻ trong nhóm, đưa cho bạn cảm những đồ vật nặng khoảng 1 g đã chuẩn bị.

+ GV đặt câu hỏi để một số HS chia sẻ trước lớp.

d) HS xem hình vẽ trong SGK và nghe GV giới thiệu về cái cân và bộ quả cân.

2. Nhận biết 1 kg = 1 000 g:

– Thực hiện theo nhóm, cầm gói muối và ước lượng gói muối cân nặng bao nhiêu gam? (HS có thể trả lời các kết quả khác nhau: 300 g, 500 g, 700 g, ...). GV đặt gói muối lên cân, HS đọc cân nặng (500 g). Đặt tiếp một gói muối nữa lên cân, HS đọc 1 000 g. GV hướng dẫn HS, trong thực tế hiện nay, cân nặng thường được ghi trên bao bì sản phẩm. HS tìm thông tin trên gói muối và đọc.

– Tương tự, HS xem thông tin trên gói đường có cân nặng 1 kg, đặt lên cân để nhận ra 1 kg = 1 000 g.

– GV chốt lại: 1 kg = 1 000 g, 1 000 g = 1 kg.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

a) HS quan sát, nhận ra cân nặng của mỗi túi đồ vật ứng với từng loại cân, viết và đọc được số đo khối lượng với đơn vị gam tương ứng.

– Đòi vở chữa bài, cùng nhau chỉ vào từng cái cân và đọc số chỉ khối lượng tương ứng.

b) HS cho biết túi nào ở câu a) cân nặng nhất dựa vào việc so sánh số đo của mỗi túi.

Bài 2

– HS thực hành tính toán, chuyển đổi với các đơn vị đo là gam và ki-lô-gam.

– HS đổi vở kiểm tra kết quả và nói cho bạn nghe cách làm.

– Khuyến khích HS tự nêu ví dụ để bạn thực hiện.

Bài 3. HS đọc bài toán, hiểu bài toán, suy nghĩ cách thực hiện và nói cho bạn nghe. HS trình bày bài giải vào vở.

Bài giải

Đổi: 1 kg = 1 000 g

Cân nặng của quả đu đủ thứ hai là:

$$1\ 000 - 100 = 900 \text{ (g)}$$

Đáp số: 900 g.

Bài 4

– HS ước lượng rồi chọn đơn vị đo thích hợp.

- HS giải thích cách lựa chọn của mình cho bạn nghe, chẳng hạn:
- + Quả táo cân nặng 100 g.
- + Con cá cân nặng 850 g.
- + Xe đạp cân nặng 12 kg.
- + Quả dâu tây cân nặng 10 g.
- HS ước lượng một số đồ vật khác trong thực tế và chia sẻ theo nhóm bàn, chẳng hạn: Viên tẩy của mình cân nặng khoảng 10 g, ...

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- HS thực hành sử dụng cân đồng hồ hoặc cân điện tử (có thể cân với đơn vị là gam) để cân một số đồ vật.

- Nếu có điều kiện, GV có thể tổ chức cho HS thực hành theo nhóm:

+ HS cân từng đồ vật.

+ HS có thể ghi kết quả trên phiếu. Các nhóm để phiếu tại góc của mình và di chuyển vòng quanh xem kết quả của các nhóm khác (kỹ thuật “Trạm học tập”).

+ GV đặt câu hỏi để các nhóm chia sẻ những nhận xét và kinh nghiệm rút ra khi thực hành cân.

(*) Củng cố, dặn dò

- HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

- Các em đã được học đơn vị đo khối lượng là gam, ki-lô-gam, theo các em khi nào chúng ta dùng đơn vị đo là gam? Khi nào dùng đơn vị đo là ki-lô-gam? (HS trả lời, chẳng hạn: những vật nhẹ ta dùng đơn vị gam).

- Gam và ki-lô-gam có thể được nhìn thấy ở khắp mọi nơi trong cuộc sống của chúng ta. Khi đi siêu thị, đi chợ, các em có thể vận dụng kiến thức đã học để ước lượng rồi đọc thông tin trên nhãn mác để kiểm tra.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, GV có thể đánh giá việc vận dụng kiến thức của HS qua hoạt động sau:

Chọn câu trả lời đúng:

- a) Một con vịt cân nặng khoảng 4 g.
- b) 1 kg sắt nặng hơn 1 kg bông.
- c) Một quyển sách Toán cân nặng khoảng 200 kg.
- d) Một quả bóng bàn cân nặng khoảng 3 g.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc quan sát, nhận biết đơn vị đo khối lượng gam; thực hiện các phép tính kèm theo đơn vị đo là gam, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3
Cánh Diều

1. Tiếng Việt 3 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 3 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 3
4. Tự nhiên và Xã hội 3
5. Tin học 3
6. Công nghệ 3
7. Giáo dục thể chất 3
8. Âm nhạc 3
9. Mĩ thuật 3
10. Hoạt động trải nghiệm 3
11. Tiếng Anh 3 Explore Our World

Cánh Diều

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 3 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

ISBN: 978-604-54-9939-9



9 786045 499399